TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 249/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 359/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.Anh Võ Văn N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 5x Nguyễn Chí T, tổ x, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. CCCD số 05206700xxxx, cấp ngày 28/6/2021.

2. Chị Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 5x Nguyễn Chí T, tổ x, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. CCCD số 06416700xxxx, cấp ngày 24/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn L, huyện An N, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 476, quyển số 01, ngày 07/9/1991.

Nay hai vợ chồng thấy không thể đoàn tụ gia đình được, vì mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] **Về con chung:** Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P có 03 con chung là Võ Minh T, sinh ngày 10/3/1995; Võ Thị T1, sinh ngày 09/11/1996 và Võ Minh T2, sinh ngày 11/5/2008 (Nguyện vọng sống với mẹ).

Cháu Võ Minh T và Võ Thị T1 đã thành niên và sống tự lập được.

Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Võ Minh T2 cho chị Nguyễn Thị Ánh Pg trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị P không yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về tiền lệ phí:** Anh N và chị P tự nguyện chịu toàn bộ để sung quỹ Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P có 03 con chung là Võ Minh T, sinh ngày 10/3/1995; Võ Thị T1, sinh ngày 09/11/1996 và Võ Minh T2, sinh ngày 11/5/2008 (Nguyện vọng sống với mẹ).

Cháu Võ Minh T và Võ Thị T1 đã thành niên và sống tự lập được.

Anh Võ Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Võ Minh T2 cho chị Nguyễn Thị Ánh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị P không yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về tiền lệ phí Tòa án: Anh N và chị P tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí 300.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp theo Biên lai số: 001717 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh N và chị P đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- THADS TP. P;
- UBND xã Nhơn L, huyện An N, tỉnh Bình Định (Giấy ĐKKH số 476, quyển số 01, ngày 07/9/1991);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến